



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

08.10.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

VIỆT NAM CHÍNH THỨC NÂNG HẠNG – ĐÃ LÊN CHƠI VỚI TẦNG LỚP TRUNG LƯU

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	372
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	181
Số cổ phiếu giảm giá	121
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	211
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	71
Số cổ phiếu giảm giá	67
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	73

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	341
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	140
Số cổ phiếu giảm giá	102
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	99

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	106,487.43	124,252.44	(17,765.01)
% KL toàn thị trường	9.98%	11.64%	
Giá trị	4,433,707	4,199,914	233,793
% GT toàn thị trường	13.35%	12.65%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,237.63	4,511.00	(2,273.37)
% KL toàn thị trường	9.98%	11.64%	
Giá trị	57,607	118,794	(61,188)
% GT toàn thị trường	2.18%	4.50%	

UPCOM

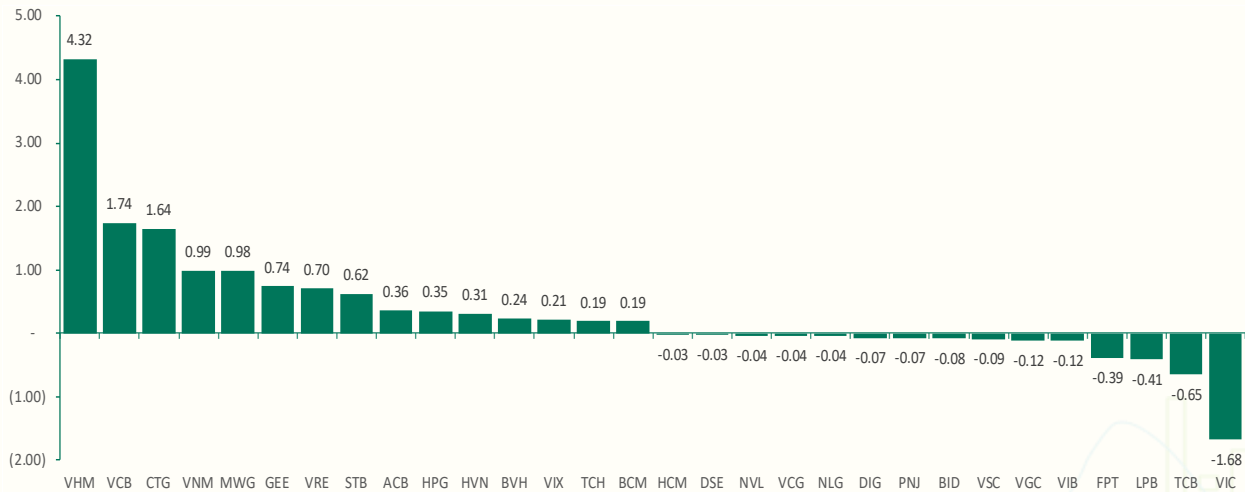
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	150.79	897.92	(747.13)
% KL toàn thị trường	0.44%	2.63%	
Giá trị	6,358	22,649	(16,291)
% GT toàn thị trường	1.16%	4.12%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	3,256,600	178,100	-1,900 (-1.06%)	50.35	4.35	3,537	691,113
2	VCB	8,113,800	64,600	900 (1.41%)	11.74	2.53	5,501	539,777
3	VHM	8,989,300	107,500	4,400 (4.27%)	15.27	1.91	7,039	441,547
4	CTG	11,976,900	52,900	1,300 (2.52%)	9.44	1.73	5,606	284,073
5	BID	4,602,600	40,450	-50 (-0.12%)	10.18	1.75	3,972	284,014
6	TCB	20,604,100	38,600	-400 (-1.03%)	12.55	1.69	3,075	273,529
7	VPB	25,369,900	31,100	50 (0.16%)	14.18	1.62	2,193	246,745
8	HPG	59,953,000	29,200	200 (0.69%)	13.90	1.53	2,100	224,124
9	MBB	32,173,000	26,850	0 (0%)	6.20	1.28	4,331	216,277
10	FPT	5,132,100	94,500	-1,000 (-1.05%)	16.12	3.51	5,862	160,981

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.36%	+40.10%	1,597
▼ Tài chính	-0.97%	+36.02%	104
> Tổ chức tín dụng	-1.03%	+34.10%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.50%	+59.29%	62
> Bảo hiểm	-1.17%	+13.65%	13
▼ Bất động sản	-0.05%	+116.52%	132
▼ Công nghiệp	-0.38%	+27.70%	399
> Vận tải	-0.44%	+20.67%	117
> Hàng hóa công nghiệp	-0.31%	+40.33%	230
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.16%	+52.04%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.04%	+2.27%	169
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.04%	+2.45%	156
> Thương mại hàng thiết yếu	+0.23%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.84%	+4.37%	4
▼ Nguyên vật liệu	-0.58%	+15.34%	284
▼ Tiện ích	+0.20%	+5.02%	104
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+2.52%	+25.30%	187
> Thương mại hàng không thiết yếu	+0.45%	+18.11%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	+6.39%	+11.01%	37
> Thời trang và hàng lâu bền	-0.32%	+57.40%	72
> Xe và linh kiện	-0.68%	+1.22%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.01%	-23.31%	41
> Dịch vụ viễn thông	+0.02%	-25.12%	18
> Truyền thông và giải trí	-0.39%	+14.54%	23
▼ Năng lượng	-1.75%	-3.11%	83
▼ Công nghệ thông tin	-0.89%	-29.41%	16
> Phần mềm và dịch vụ	-0.05%	-26.73%	9
> Phần cứng và thiết bị	-2.94%	+25.82%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.00%	+8.66%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.16%	+9.94%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	+1.01%	-27.20%	11

Việt Nam chính thức nâng hạng – Đã lên chơi với tầng lớp trung lưu

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 12.53 điểm (+ 0.74%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Thương mại hàng không thiết yếu, bảo hiểm, hàng hóa công nghiệp, bất động sản, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, năng lượng, nguyên vật liệu, dịch vụ tài chính, tổ chức tín dụng, vận tải...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như MWG, FRT, DGW, HHS, PET, BVH, PVI, GEE, GEX, CTD, DPG, BMP, FCN, VHM, VRE, KDH, BCM, TCH, CEO, KBC, VNM, MSN, MML, VHC, BAF, DBC, ANV, BSR, PLX, PVS, PVT, OIL, HPG, GVR, DGC, MSR, DCM, NKG, HSG, SSI, VND, VIX, VCI, VCB, CTG, VPB, ACB, STB, SHB, EIB, MSB, HVN, GMD, CII, HHV, VTP...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GEE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 152;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 42%;

(ii) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ VHM đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 139;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) TCH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giám sát biên dải băng trên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ TCH đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 26 – 32;
- ✓ CRV sắp niêm yết có thể là tin tức tạo động lực tăng giá cho TCH;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iv) DBC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ DBC vận động theo mô hình 5 sóng tăng 3 sóng giảm ABC trong đó sóng C có 5 sóng nhỏ. Hiện đường như cổ phiếu đang tạo mô hình hai đáy lớn trên đồ thị quanh vùng hỗ trợ động MA(200);
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(v) DPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ DPG đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 57 – 66;
- ✓ DPG nhận thầu thi công cầu Trần Hưng Đạo có thể là tin tức đẩy giá cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(vi) VIX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ VIX đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 53;
- ✓ VIX báo lãi gần 2,500 tỷ trong Q3/2025 trong đó có 1,500 tỷ là lợi nhuận chưa thực hiện. VIX chốt hết các mã BSR, HAH, VSC, SHS...trong Q3/2025;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(2) Xe và linh kiện, tiện ích, phần mềm dịch vụ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như SRC, TMT, GEG, VSH, BWE, NT2, FPT...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) NT2 giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ NT2 đang ở hỗ trợ của kênh tăng giá với độ dốc thoải;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(ii) FPT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ FPT vẫn đang trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 72 – 91;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index sẽ có Break out mô hình lá cờ đuôi nheo vào ngày mai ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và vượt mức bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 75.66 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: GEX, MWG, HPG, VCB, STB, VHM, VIC, FRT, ACB, HDB... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: SHB, VRE, MSN, VCI, MBB, SSI, TCB, DXG, CII, VIX...Như vậy, chuỗi bán ròng của khối ngoại đã tạm lắng. Chúng ta thoát đà bán ròng này nhờ lực mua vào phiên chiều của khối ngoại nhưng còn quá sớm để khẳng định chu kỳ bán ròng đã kết thúc hay lực mua vào hôm nay tới từ việc đón sóng nâng hạng TTCK mới nổi cấp 2 của FTSE.

(ii) VN-Index đang dần hình thành một lá cờ đuôi nheo thường thấy trong các sóng tăng giá lớn. Thị trường hai hôm nay có những lúc hạ nhiệt nhưng cơ bản vẫn luôn phục hồi khi tiến về vùng hỗ trợ quanh 1,680 điểm. Chúng tôi cho rằng đây là tín hiệu tích lũy của chỉ số và chỉ số sẽ sớm có Break out thực sự để vượt kháng cự 1,711 điểm xác nhận mô hình lá cờ đuôi nheo hình thành.

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là IDI, KSB, PVS, MCH, PNJ, CTI, VPB, EVF, KOS...

Các cổ phiếu có tiền vào mạnh: GEE, FRT, CTD, MST, VPL..

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 12 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 14 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VRE, BCM, VHM, VCB, CTG, TPB, STB, SSI, HDB, SHB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 58% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,670 điểm và kháng cự là 1,711 điểm

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu MWG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	591.14	592.7	589.57	NO	600.18	612.36	621.4	633.58	578.96	569.92	557.74	548.7
HNINDEX	274.5	275.09	273.92	NO	277	280.65	283.15	286.8	270.85	268.35	264.7	262.2
UPINDEX	110.5	110.54	110.47	YES	111.08	111.72	112.3	112.94	109.86	109.28	108.64	108.06
VN30	1920.94	1919.94	1921.95	YES	1935.79	1948.63	1963.48	1976.32	1908.1	1893.25	1880.41	1865.56
VNINDEX	1694.37	1692.65	1696.1	NO	1707.88	1717.92	1731.43	1741.47	1684.33	1670.82	1660.78	1647.27
VNXALL	2942.18	2950.5	2933.85	NO	2984.81	3044.1	3086.73	3146.02	2882.89	2840.26	2780.97	2738.34
VN30FIM	1922.03	1923.55	1920.52	YES	1940.97	1962.93	1981.87	2003.83	1900.07	1881.13	1859.17	1840.23
VN30FIQ	1919.97	1923.5	1916.43	NO	1936.93	1960.97	1977.93	2001.97	1895.93	1878.97	1854.93	1837.97
VN30F2M	1918.37	1921	1915.73	NO	1934.73	1956.37	1972.73	1994.37	1896.73	1880.37	1858.73	1842.37
VN30F2Q	1896.67	1899.9	1893.43	NO	1913.33	1936.47	1953.13	1976.27	1873.53	1856.87	1833.73	1817.07
BCM	66.9	66.85	66.95	YES	67.6	68.2	68.9	69.5	66.3	65.6	65	64.3
ACB	26.73	26.73	26.74	YES	26.87	26.98	27.12	27.23	26.62	26.48	26.37	26.23
BID	40.53	40.58	40.49	NO	40.82	41.18	41.47	41.83	40.17	39.88	39.52	39.23
BVH	54.5	54.35	54.65	NO	55.2	55.6	56.3	56.7	54.1	53.4	53	52.3
CTG	52.77	52.7	52.83	NO	53.53	54.17	54.93	55.57	52.13	51.37	50.73	49.97
GVR	27.53	27.58	27.49	NO	27.77	28.08	28.32	28.63	27.22	26.98	26.67	26.43
GAS	61.13	61.25	61.02	NO	61.37	61.83	62.07	62.53	60.67	60.43	59.97	59.73
FPT	95.3	95.7	94.9	NO	96.1	97.7	98.5	100.1	93.7	92.9	91.3	90.5
HDB	31.38	31.35	31.42	NO	31.77	32.08	32.47	32.78	31.07	30.68	30.37	29.98
HPG	29.12	29.08	29.16	NO	29.48	29.77	30.13	30.42	28.83	28.47	28.18	27.82
LPB	52.9	53.35	52.45	NO	53.8	55.6	56.5	58.3	51.1	50.2	48.4	47.5
MBB	27	27.08	26.92	NO	27.15	27.45	27.6	27.9	26.7	26.55	26.25	26.1
MSN	83.2	83.5	82.9	NO	83.8	85	85.6	86.8	82	81.4	80.2	79.6
MWG	80.2	79.9	80.5	NO	81.9	83	84.7	85.8	79.1	77.4	76.3	74.6
PLX	34.08	34.15	34.02	NO	34.27	34.58	34.77	35.08	33.77	33.58	33.27	33.08
SAB	46.1	46.18	46.03	NO	46.25	46.55	46.7	47	45.8	45.65	45.35	45.2
SSB	19.28	19.33	19.24	NO	19.37	19.53	19.62	19.78	19.12	19.03	18.87	18.78
SHB	17.32	17.33	17.31	YES	17.53	17.77	17.98	18.22	17.08	16.87	16.63	16.42
SSI	41.42	41.53	41.31	NO	42.28	43.37	44.23	45.32	40.33	39.47	38.38	37.52
TCB	38.82	38.93	38.71	NO	39.18	39.77	40.13	40.72	38.23	37.87	37.28	36.92
STB	59.47	59.25	59.68	NO	60.43	60.97	61.93	62.47	58.93	57.97	57.43	56.47
TPB	19.42	19.4	19.43	YES	19.73	20.02	20.33	20.62	19.13	18.82	18.53	18.22
VCB	64.37	64.25	64.48	NO	65.13	65.67	66.43	66.97	63.83	63.07	62.53	61.77
VHM	105.4	104.35	106.45	NO	109.6	111.7	115.9	118	103.3	99.1	97	92.8
VIB	20.18	20.25	20.12	NO	20.32	20.58	20.72	20.98	19.92	19.78	19.52	19.38
VJC	133.57	133.65	133.48	YES	134.83	136.27	137.53	138.97	132.13	130.87	129.43	128.17
VIC	178.07	178.05	178.08	YES	180.93	183.77	186.63	189.47	175.23	172.37	169.53	166.67
VPB	31.15	31.17	31.13	YES	31.6	32.1	32.55	33.05	30.65	30.2	29.7	29.25
VRE	35.63	35.3	35.97	NO	37.12	37.93	39.42	40.23	34.82	33.33	32.52	31.03
VNM	62.87	62.6	63.13	NO	64.03	64.67	65.83	66.47	62.23	61.07	60.43	59.27

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
MWG	17,337,700	6,365,470	272	3.59
BCG	14,609,800	6,905,060	212	-0.78
MSN	11,323,000	5,320,170	213	0.12
VCB	8,113,800	3,981,000	203.81	1.41
DPG	3,869,500	1,552,930	249	4.27
TCB	2,783,800	1,311,560	212	3.28
DGW	2,047,600	985,780	207.71	0.49
GEE	1,551,300	684,490	227	6.98
NAF	1,475,100	595,020	248	-0.69
HHP	1,040,700	223,760	465.1	7
MBG	809,000	264,450	306	8.33
CIG	799,100	99,180	806	1.09
DGT	721,900	289,920	249	-3.77
DDG	704,200	238,040	296	-4.17
AVG	611,900	131,500	465.32	0
VIG	609,200	249,010	245	0
VLC	603,500	91,690	658	0.67
CKG	597,900	104,060	575	-3.5
TDP	477,200	179,710	266	-3.49
PCH	266,000	115,120	231.06	-3.77
FUETCC50	263,700	99,720	264	0.49
HVH	251,800	124,540	202	2.65
HHG	223,300	69,160	323	7.14
TIP	219,800	87,900	250	-1.04
NED	213,300	103,820	205.45	-1.43
BFC	192,900	79,030	244	1.81
VMD	154,000	72,170	213	-5.43
DST	119,400	53,380	224	4.44
TS3	94,900	33,770	281	-6.45
TTN	90,600	36,130	251	1.18
NSH	87,400	39,760	220	2.17
TSD	81,300	11,020	738	-1.79
VDP	72,100	9,730	741	4.51
BTS	70,600	33,630	210	1.89
TD6	67,900	25,050	271	-3.85
TV4	67,600	6,490	1,042	2.5
GCB	60,100	440	13,659	-1.36
BTB	60,100	25,480	236	0
PVM	57,200	8,420	679	0
VEF	53,900	17,070	316	0.44

- Lưu ý: BCG, MWG ...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
8-Oct	VHM	Mua thêm	≤ 109	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
8-Oct	DPG	Mua	≤ 48.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
8-Oct	VIX	Mua	≤ 40	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 07/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.141 VND/USD, giảm 05 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.934 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.348 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.360 VND/USD, giảm nhẹ 04 đồng so với phiên 06/10. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.515 VND/USD và 26.615 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 07/10, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,03 – 0,32 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 4,78%; 1W 4,95%; 2W 5,05% và 1M 5,28%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W và tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 2W, giao dịch tại: ON 4,10%; 1W 4,13%; 2W 4,19%, 1M 4,23%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều, chốt phiên ở mức: 3Y 2,82%; 5Y 3,09%; 7Y 3,39%; 10Y 3,67%; 15Y 3,75%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 7.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 2.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Tất cả khối lượng này đều trúng thầu. Có 15.509,60 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN bơm ròng 1.490,40 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 152.470,27 tỷ đồng lưu hành ở kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

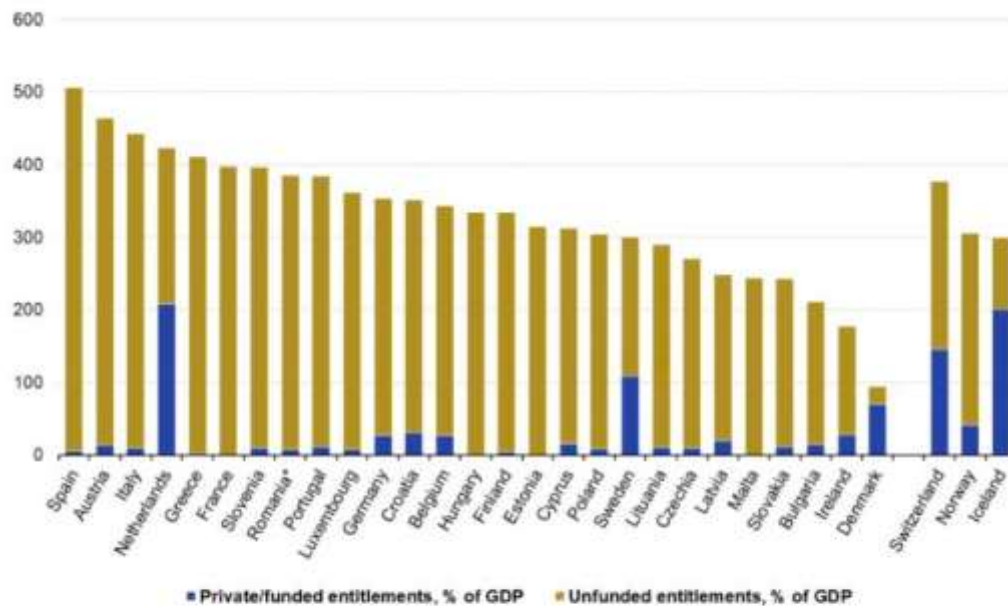
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Phúc lợi nhà nước của châu Âu đã phá sản bởi hệ thống lương hưu nhà nước không bền vững

Người dân sẽ phải trả nhiều thuế hơn, nghỉ hưu muộn hơn và nhận được mức lương hưu thực tế thấp hơn. Nợ chính phủ chỉ là phần nổi của tảng băng chìm. Vấn đề thực sự là số lượng lớn các khoản nợ chưa được thanh toán.

Household pension entitlements in social insurance in EU and EFTA countries by end 2021 in % of GDP

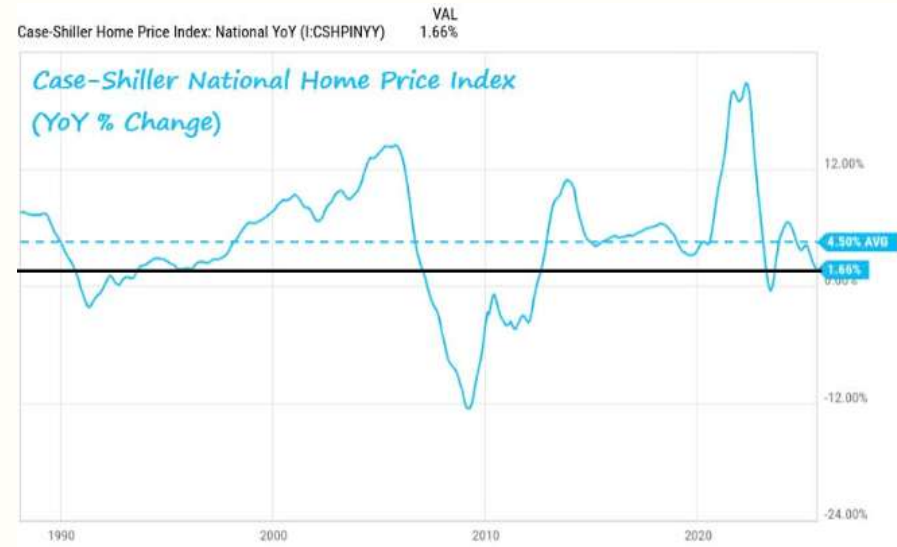


Note: For Romania private total pensions entitlements in social insurance do not include defined benefit schemes for general government employees classified in general government (not in core accounts)
Source: Eurostat (online data code: nasa_10_pens1)

Household pension entitlements in social insurance in EU and EFTA countries, end of 2021 (% of GDP)

Source: Eurostat ([nasa_10_pens](#))

Giá nhà tại Mỹ đang chứng lại



CREATIVE PLANNING @CharlieBilello

Oct 3, 2025, 3:39 PM EDT Powered by YCHARTS

Case-Shiller 20-City US Home Price Indices									
City	1-Year %	3-Year %	5-Year %	10-Year %	15-Year %	20-Year %	All-Time High Date	Months From High	% Below All-Time High
New York	6.4%	20.3%	61.5%	85.9%	92.1%	66.2%	7/31/2025	0	0.0%
Chicago	6.2%	18.1%	49.5%	69.6%	78.2%	40.1%	7/31/2025	0	0.0%
Cleveland	4.4%	15.6%	50.6%	84.4%	90.6%	64.4%	7/31/2025	0	0.0%
Detroit	4.0%	14.3%	47.3%	92.6%	179.0%	56.0%	7/31/2025	0	0.0%
Boston	4.0%	11.8%	49.6%	92.2%	123.9%	93.1%	2/28/2025	5	-0.1%
Minneapolis	2.6%	5.6%	31.0%	69.4%	98.1%	48.2%	7/31/2025	0	0.0%
Charlotte	2.1%	9.9%	63.1%	113.3%	146.5%	141.2%	5/31/2025	2	-0.2%
Washington	1.3%	8.8%	36.3%	57.8%	80.2%	39.8%	2/28/2025	5	-1.7%
Portland	1.1%	-0.6%	32.2%	82.1%	126.9%	119.9%	5/31/2022	39	-2.0%
Las Vegas	1.0%	1.2%	49.4%	108.8%	197.0%	35.7%	2/28/2025	5	-2.4%
Atlanta	0.7%	7.2%	55.4%	101.2%	132.8%	94.3%	3/31/2025	4	-1.0%
Los Angeles	0.2%	7.2%	46.7%	86.8%	152.6%	80.1%	3/31/2025	4	-2.2%
Seattle	0.1%	0.7%	44.3%	116.8%	169.4%	154.5%	4/30/2022	40	-3.1%
Denver	-0.6%	-2.4%	35.8%	86.0%	148.9%	132.7%	5/31/2022	39	-3.6%
San Diego	-0.7%	6.9%	58.0%	105.1%	167.8%	78.2%	12/31/2024	7	-2.5%
Phoenix	-0.9%	-5.0%	52.6%	110.2%	194.1%	63.9%	6/30/2022	38	-5.1%
Dallas	-1.3%	-3.1%	48.0%	92.9%	147.2%	144.6%	6/30/2022	38	-3.4%
Miami	-1.3%	6.8%	71.2%	116.9%	196.0%	81.3%	2/28/2025	5	-3.1%
San Francisco	-1.9%	-5.2%	27.2%	64.6%	149.5%	66.7%	5/31/2022	39	-9.0%
Tampa	-2.8%	-1.8%	59.9%	119.2%	173.6%	85.1%	1/31/2024	18	-3.7%
20-City Index	1.8%	7.7%	49.1%	87.7%	129.9%	75.9%	2/28/2025	5	-1.1%

TTCK MỸ

Xu hướng tăng chưa có dấu hiệu kết thúc trong ngắn hạn ?

Dell hình thành mô hình cốc tay cầm



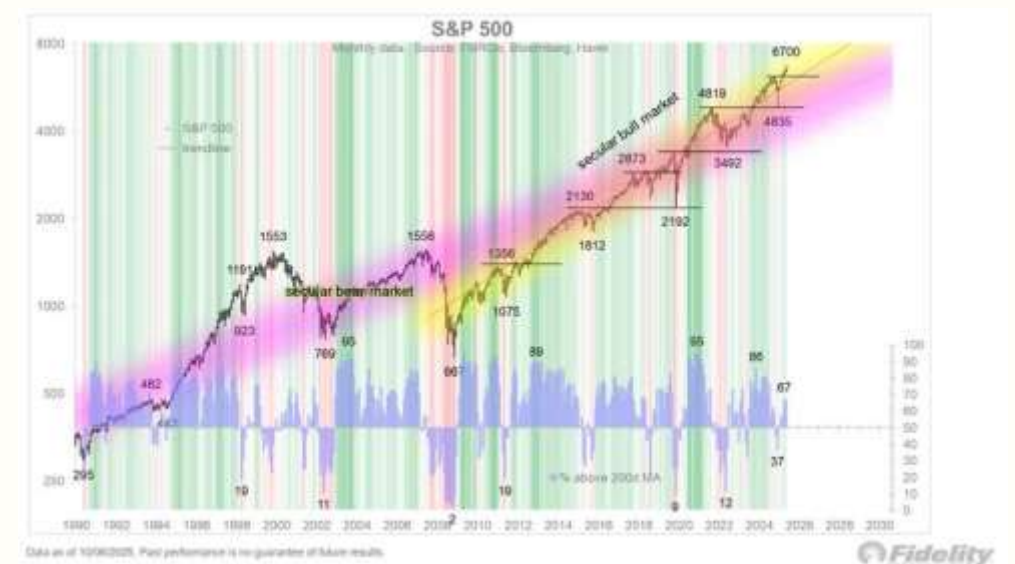
Rocketlab tiến tới mốc 69\$?



NVIDIA sẽ tiến tới mốc 197\$?



S&P 500 trong xu hướng tăng giá dài hạn 16 năm ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

